PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU - KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

LÊ MINH THÁI*

Tóm tắt: Hợp đồng thương mại là loại hợp đồng được áp dụng phổ biến trong các quan hệ kinh doanh, thương mại. Hợp đồng này cùng lúc chịu sự điều chỉnh của của Bộ luật Dân sự (BLDS) và Luật thương mại. Trong đó, các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu có vai trò quan trọng trong giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại. Trong bài viết, tác giả đi sâu vào phân tích các vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng thương mại vô hiệu, từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định này.

Từ khoá: Hợp đồng thương mại, hợp đồng thương mại vô hiệu, điều kiện có hiệu lực

Ngày nhận bài: 07/11/2023; Biên tập xong: 16/12/2023; Duyệt đăng: 22/12/2023

LAW ON VOID COMMERCIAL CONTRACTS – DIFFICULTIES, PROBLEMS AND PROPOSALS, RECOMMENDATIONS

Abstract: Commercial contract is a type of contract commonly applied in business and commercial relationships. This contract is simultaneously governed by the Civil Code and the Commercial Law. In particular, regulations on void commercial contracts play an important role in resolving commercial contract disputes. In the article, the author delves into the analysis of problems and inadequacies in the provisions of Vietnamese law on void commercial contracts, thereby providing suggestions and recommendations to improve these regulations.

Keywords: Commercial contract, void commercial contract, valid conditions

Received: Nov 07th, 2023; Editing completed: Dec 16th, 2023; Accepted for publication: Dec 22nd, 2023

1. Hợp đồng thương mại vô hiệu trong pháp luật Việt Nam hiện hành

Thực tiễn xét xử tranh chấp dân sự ở Việt Nam (bao gồm cả tranh chấp kinh doanh – thương mại, lao động) trong nhiều năm qua cho thấy có hiện tượng là số lượng các vụ án tranh chấp hợp đồng vô hiệu cao gấp nhiều lần các vụ án tranh chấp hợp đồng có hiệu lực. Trong khi đó, quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng có hiệu lực thì lại nhiều gấp nhiều lần quy định về giải quyết hợp đồng vô hiệu[1]. Như vậy, có thể thấy, việc xác định các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng, cũng như quy định về xử lý hợp đồng thương mại vô hiệu là rất quan trọng trong giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại.

Để đảm bảo hợp đồng thương mại có hiệu lực, đòi hỏi các bên giao kết phải tuân thủ về mặt hình thức, chủ thể, nội dung. Tuy nhiên, trong quá trình giao kết hợp đồng, vì sơ suất của các bên hoặc xuất phát từ sự thiếu hiểu biết pháp luật hoặc bất kỳ một lý do nào đó mà các bên giao kết hợp đồng thương mại vi phạm về nội dung, mục đích, chủ thể, hình thức thì có thể dẫn đến hợp đồng giao kết vô hiệu.

[1] Chu Xuân Minh (2020), *Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Truy cập: https://tapchitoaan.vn/tuyen-bo-giao-dich-dan-su-vo-hieu-va-giai-quyet-hau-qua-giao-dich-dan-su-vo-hieu ngày 16/12/2023

* *Email: Luatsudhlaw@gmail.com*
Tiến sĩ, Khoa Luật, Trường Đại học Văn Lang

Vậy hợp đồng thương mại vô hiệu là gì? Ở mức độ khái quát, có thể hiểu hợp đồng vô hiệu là hợp đồng không tuân thủ các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Pháp luật cho phép các chủ thể của hợp đồng thương mại có quyền tự do ký kết hợp đồng, tự do thỏa thuận về nội dung của hợp đồng, nhưng thỏa thuận đó không được trái với quy định của pháp luật. Các chủ thể khi ký kết hợp đồng phải tuân thủ những quy định của việc ký kết hợp đồng, các thỏa thuận phải phù hợp với pháp luật và không được xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội. Hợp đồng thương mại trái với nguyên tắc này sẽ không được pháp luật công nhận, quyền lợi của các bên không được bảo vệ và thu nhập phát sinh (nếu có) phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời, phát sinh nhiệm vụ đối với các chủ thể cũng như người ký kết hợp đồng thương mại bị coi là vô hiệu.

Hiện nay, Luật Thương mại năm 2005 cũng không có quy định cụ thể về khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu và về các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Do đó, các vấn đề pháp lý liên quan đến xác định hợp đồng thương mại có hiệu lực hay không sẽ căn cứ vào các quy định của BLDS. Theo khoản 1 Điều 407 BLDS năm 2015: *"Quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từ Điều 123 đến Điều 133 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với hợp đồng vô hiệu"*. Như vậy, nếu hợp đồng rơi vào các trường hợp được quy định từ Điều 123 đến Điều 133 thì sẽ bị vô hiệu (có thể vô hiệu toàn bộ hoặc vô hiệu một phần). Để xác định hợp đồng thương mại vô hiệu thì căn cứ vào 04 điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được quy định trong BLDS năm 2015.

Một là, năng lực chủ thể của các bên khi tham gia vào quan hệ hợp đồng thương mại. Chủ thể của hợp đồng thương mại chủ yếu được thiết lập giữa các thương nhân với nhau. Ngoài thương nhân ra, còn có các tổ chức, cá nhân có thể tham gia vào quan hệ hợp đồng thương mại. Tuy nhiên, để xác định đây là một hợp đồng thương mại thì điều kiện về chủ thể phải có ít nhất một bên là thương nhân. Theo đó, để là thương nhân thì các chủ thể phải có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đối với thương nhân là tổ chức kinh tế, việc giao kết hợp đồng phải được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền[2]. Như vậy, đối với yêu cầu về chủ thể để hợp đồng thương mại có hiệu lực thì phải có ít nhất một bên là thương nhân và chủ thể tham gia hợp đồng phải có thẩm quyền ký kết hợp đồng.

Hai là, hợp đồng thương mại phải được giao kết trên nguyên tắc tự nguyện. Đây là nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong giao kết hợp đồng; theo đó, bản chất của hợp đồng đề cao sự tự do ý chí của các bên, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng. Nguyên tắc cơ bản này cũng được quy định tại Điều 3 BLDS năm 2015.

Ba là, mục đích và nội dung của hợp đồng thương mại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng (Điều 123 BLDS năm 2015).

Bốn là, hình thức của hợp đồng thương mại là điều kiện có hiệu lực trong trường hợp luật có quy định. Hợp đồng thương

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về Thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2019, tr. 94

mại có thể được thể hiện bằng lời nói, văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng thương mại mà luật quy định phải được thành lập văn bản thì phải tuân theo quy định đó[3].

Hiện nay, Luật Thương mại không có quy định về điều kiện có hiệu lực và các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu. Vì vậy, việc xác định nội dung này chủ yếu vẫn căn cứ vào quy định của BLDS hiện hành. Theo đó, các trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu gồm có:

Một là, hợp đồng thương mại bị tuyên vô hiệu khi vi phạm về chủ thể bao gồm: năng lực pháp luật, năng lực hành vi, thẩm quyền người tham gia ký kết hợp đồng thương mại (đại diện theo pháp luật và đại diện theo uỷ quyền) quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khi tham gia ký kết hợp đồng thương mại, chủ thể không tự nguyện, tự do, bị lừa dối cưỡng ép. Trong trường hợp bên tham gia nhận thấy bị lừa dối, cưỡng ép có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu. Trường hợp khác, chủ thể ký kết hợp đồng thương mại không có thẩm quyền. Thực tế có nhiều hợp đồng được ký bởi người không có thẩm quyền và khi xảy ra xung đột, doanh nghiệp không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng đã lấy lý do người ký không đúng thẩm quyền để thoái thác trách nhiệm. Điều này đã gây nhiều khó khăn cũng như thiệt hại cho đối tác, đặc biệt với những hợp đồng có giá trị lớn thì tổn thất là không hề nhỏ. Công ty không chịu bồi thường thiệt hại cho đối tác vì cho rằng người ký hợp đồng không nhân danh công ty, còn cá nhân ký kết hợp đồng hoặc thoái thác trách nhiệm hoặc không có khả năng tự chịu trách nhiệm đối với thiệt hại quá lớn của đối tác. Vậy trong trường hợp này, đối tác phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình? Trách nhiệm với đối tác thuộc về công ty hay cá nhân người ký hợp đồng? Có thể chia việc người ký hợp đồng không đúng thẩm quyền trong các trường hợp sau:

Người ký là đại diện theo pháp luật của công ty nhưng không có thẩm quyền ký kết. Đây là trường hợp người ký không phải là đại diện theo pháp luật của công ty và không có ủy quyền hợp pháp của người có thẩm quyền ký kết như: Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng các phòng, ban…

Người ký không phải là đại diện theo pháp luật của công ty, có ủy quyền hợp pháp nhưng thực hiện ký hợp đồng vượt quá phạm vi ủy quyền. Tùy từng trường hợp cụ thể mà hợp đồng có thể vô hiệu toàn bộ hoặc chỉ vô hiệu một phần. Theo quy định của Điều 142 BLDS năm 2015, giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ một trong các trường hợp sau đây: Người được đại diện đã công nhận giao dịch; Người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý; Người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện. Như vậy, có trường hợp hợp đồng thương mại được ký kết không bởi người đại diện nhưng thuộc các trường hợp theo quy định của Điều 142 BLDS năm 2015 thì cũng không dẫn đến vô hiệu.

Hai là, hợp đồng vô hiệu trong trường hợp vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội: Trong các văn bản quy định của pháp luật, nội dung hợp đồng thương mại vi phạm quy phạm bắt buộc phải

[3] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *sđd*, tr. 99

làm một việc vẫn bị coi là vô hiệu. Nội dung thoả thuận những điều cấm luật không cho phép. "Đạo đức xã hội" không phải là một khái niệm pháp lý, nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như văn hóa, lịch sử, kinh tế... Hiện nay, pháp luật không có giải thích chính thức về vấn đề này. Đạo đức xã hội là những hành vi được số đông trong xã hội ứng xử và chấp nhận. Hành vi trái với những hành vi đó có thể coi là trái với đạo đức xã hội. Trong quá trình giải quyết tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu khi vi phạm về đạo đức, các thẩm phán, trọng tài viên thường căn cứ vào án lệ hoặc tư duy theo logic, cách hiểu của mình để giải thích. Điều này rất dễ dẫn đến tình trạng tuỳ tiện, cảm tính.

Ba là, hợp đồng thương mại vô hiệu do vi phạm hình thức: Hợp đồng thương mại bị coi là vi phạm hình thức được thể hiện: (i) Hợp đồng bị coi là không tuân thủ về hình thức gồm hai trường hợp: Hình thức văn bản không đúng quy định của pháp luật và; Hình thức văn bản vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực. (ii) Điều kiện để hợp đồng không tuân thủ hình thức được Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực đó là tồn tại trên thực tế việc một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ hợp đồng. Theo đó, đối tượng của nghĩa vụ là tài sản, công việc phải thực hiện hoặc không thực hiện, và đối tượng phải xác định được. Thực tiễn thực hiện hợp đồng cho thấy, có rất nhiều dạng nghĩa vụ như nghĩa vụ tài sản, nghĩa vụ phi tài sản… Vì vậy, cần làm rõ việc xác định nghĩa vụ chỉ là nghĩa vụ tài sản hay bao gồm tất cả các nghĩa vụ mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng? Khi trong hợp đồng vừa có nghĩa vụ tài sản vừa có nghĩa vụ phi tài sản; một bên phải thực hiện nghĩa vụ tài sản vừa phải thực hiện nghĩa vụ phi tài sản (như thực hiện thủ tục sang tên…), hoặc các bên đều chỉ có nghĩa vụ phi tài sản thì dựa vào tiêu chí gì để được coi là đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ.

Mặt khác, không phải việc một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong hợp đồng thì hợp đồng đó đương nhiên có hiệu lực, mà cần có thêm điều kiện là phải thông qua quyết định của Tòa án. Điều này có nghĩa là theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, sau khi xem xét đầy đủ các điều kiện của hợp đồng như đã nêu trên thì Tòa án sẽ ra quyết định công nhận hiệu lực của hợp đồng đó. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định này đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc nhất định, cụ thể:

Hiện nay, pháp luật dân sự không có quy định cụ thể hình thức của hợp đồng, Luật Thương mại năm 2005 quy định một số loại hợp đồng cụ thể phải được thể hiện là văn bản, tuy nhiên vẫn quy định mở "phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương" gồm các loại hợp đồng quy định tại các điều 27, 90, 110, 124, 130, 142, 159, 168, 179, 193, 251, 258. Như vậy, có thể hiểu các trường hợp trên đây yêu cầu hình thức hợp đồng bắt buộc là văn bản.

Mặt khác, trong trường hợp pháp luật quy định hợp đồng cần có nội dung bắt buộc, ví dụ như Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết về nhượng quyền thương mại quy định rằng, hợp đồng này phải có 06 nội dung sau đây: Nội dung của quyền thương mại; Quyền, nghĩa vụ của bên nhượng quyền; Quyền, nghĩa vụ của bên nhận quyền; Giá cả, phí nhượng quyền định kỳ và phương thức thanh toán; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng; Gia hạn, chấm dứt hợp đồng và giải quyết tranh chấp. Như vậy, trường hợp hợp đồng không có đầy đủ các nội

dung bắt buộc trên thì có thể xem đã vi phạm điều kiện về hình thức của hợp đồng hay không?.

Bốn là, hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo hoặc do nhầm lẫn

Hợp đồng giả tạo là hợp đồng mà ý chí của các bên được biểu đạt ra ngoài khác với ý chí đích thực và có tồn tại sự khác biệt giữa kết quả thực tế đã thực hiện giao dịch so với mục đích của giao dịch dân sự được xác lập. Thực tiễn cho thấy, các giao dịch dân sự thường phát sinh trong thực tế như trường hợp hợp đồng, giao dịch về vay nợ kèm theo việc thế chấp tài sản mà bên cho vay không được quyền nhận thế chấp. Cùng với việc phải chịu lãi suất cao, người đi vay thường phải ký kết với người cho vay giao dịch mua bán tài sản thấp hơn nhiều so với giá trị thực tế.

Hợp đồng thương mại vô hiệu do nhầm lẫn: Đây là việc làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu toà án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Điều kiện cần và đủ là hợp đồng có sự nhầm lẫn một hoặc các bên và mục đích không đạt được; tuy nhiên, nếu có sự nhầm lẫn nhưng mục đích các bên vẫn đạt được hoặc các bên thỏa thuận, khắc phục để đạt được mục đích thì không phải huỷ hợp đồng. Mặc dù vậy, cả pháp luật dân sự và thương mại hiện đều chưa có quy định như thế nào là nhầm lẫn nên vẫn gây lúng túng, khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật.

2. Những vướng mắc, bất cập trong quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu và đề xuất, kiến nghị

Thứ nhất, Luật Thương mại năm 2005 chưa đưa ra một khái niệm, định nghĩa hoàn chỉnh về hợp đồng thương mại vô hiệu. BLDS năm 2015 thì chỉ quy định định nghĩa về "hợp đồng vô hiệu", nhưng định nghĩa này lại dẫn chiếu đến các trường hợp giao dịch bị xem là vô hiệu. Trong khi đó, hợp đồng trong lĩnh vực thương mại mang tính chất chuyên biệt, đặc thù so với hợp đồng dân sự theo nghĩa rộng. Các quy định về hợp đồng trong lĩnh vực dân sự không thực sự phù hợp để định nghĩa cho một lĩnh vực đặc thù như lĩnh vực thương mại. Điều này dẫn đến việc các bên trong giao dịch hoặc cơ quan nhà nước khi xác định một hợp đồng thương mại còn chưa rõ ràng và chính xác[4]. Vì vậy, theo tác giả, cần có một điều khoản định nghĩa hoàn chỉnh về khái niệm *"Hợp đồng thương mại vô hiệu"*. Việc quy định cụ thể về khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu sẽ góp phần giúp các chủ thể trong quan hệ hợp đồng, cũng như cơ quan nhà nước phân biệt hợp đồng thương mại với các loại hợp đồng khác một cách rõ ràng và chính xác; từ đó dễ dàng hơn trong việc áp dụng pháp luật để xác định hợp đồng thương mại vô hiệu, giúp đảm bảo được tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong quan hệ hợp đồng cũng như giúp cho việc xét xử của các cán bộ Tòa án được công bằng và hiệu quả hơn.

Thứ hai, Luật Thương mại năm 2005 chưa có quy định riêng biệt về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Hiện nay, việc xác định điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại sẽ căn cứ vào các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định trong BLDS năm 2015. Quy định như vậy phần nào gây khó khăn cho các bên trong việc xác định các điều kiện để hợp đồng thương mại có hiệu lực, bởi BLDS năm 2015 quy định về điều kiện về năng lực chủ thể: *"Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành*

---

[4] Trần Văn Biên (2023), "Hợp đồng thương mại vô hiệu theo pháp luật Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ,* số 07, 3/2023

vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập". Theo đó, BLDS năm 2015 quy định chủ thể giao kết hợp đồng có thể là cá nhân, tổ chức có hoặc không có tư cách pháp nhân. Còn đối với hợp đồng thương mại, bắt buộc ít nhất một bên trong hợp đồng phải là thương nhân. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Do đó, nếu áp dụng các quy định BLDS để xác định năng lực chủ thể giao kết hợp đồng thương mại thì không phù hợp[5]. Vì vậy, theo tác giả, cần có một quy định riêng về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại. Hiện nay, đối với các hợp đồng thương mại thì sẽ căn cứ vào quy định chung của BLDS về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Tuy nhiên, các quy định của BLDS dường như không phù hợp để áp dụng cho các hợp đồng thương mại, chẳng hạn như về điều kiện năng lực chủ thể của hợp đồng thương mại đã phân tích ở trên. Do đó, khi áp dụng pháp luật để xác định điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại, xem hợp đồng đó có bị vô hiệu hay không thì phải căn cứ cả Luật Thương mại và BLDS. Điều này làm cho các bên trong quan hệ hợp đồng khá lúng túng trong việc tìm hiểu và tuân theo pháp luật, cũng như gây khó khăn cho Tòa án trong việc xem xét và áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu. Chính vì vậy, cần có một quy định cụ thể, rõ ràng hơn trong Luật Thương mại để giải quyết hiệu quả vấn đề này.

Thứ ba, hợp đồng thương mại bị tuyên vô hiệu khi vi phạm về năng lực chủ thể, thẩm quyền của chủ thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Thương mại. Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã có những quy định rất mới về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như: Quy định rõ ràng hơn về quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được quyền quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật… Tuy nhiên, những quy định này vẫn chưa phân định rõ trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật, của cá nhân, của doanh nghiệp trong trường hợp giao dịch vô hiệu do người ký không đúng thẩm quyền. Vì vậy, để bảo đảm an toàn trong giao dịch cũng như bảo vệ quyền và lợi ích của đối tác doanh nghiệp, theo tác giả: Cần có quy định, hướng dẫn cụ thể về những trường hợp được coi là người có thẩm quyền đồng ý hoặc biết mà không phản đối việc ký kết của người không có thẩm quyền, trên cơ sở đó mới xác định được hợp đồng thương mại có bị vô hiệu hay không, trường hợp nào doanh nghiệp chịu trách nhiệm, trường hợp nào người ký hợp đồng phải chịu trách nhiệm với đối tác.

Trường hợp doanh nghiệp có từ hai người đại diện theo pháp luật trở lên thì việc phân chia phạm vi đại diện cho từng người thường mang tính nội bộ doanh nghiệp, đối tác khi giao dịch khó có thể biết được người đại diện đó có thẩm quyền giao dịch hay không[6]. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi cho đối tác của doanh nghiệp trong trường hợp này, theo tác giả, cần có quy định, hướng dẫn rõ khi đối tác ký kết hợp đồng được biết về thẩm quyền người trực tiếp ký kết: Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch vượt ngoài thẩm quyền đại diện được

[5] Trần Văn Biên (2023), *tlđd*

[6] Lê Minh Hùng (2010), *"Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam"*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.51.

phân công theo quy định của công ty với người đối tác thì giao dịch đó vẫn có giá trị đối với doanh nghiệp được đại diện. Người đại diện sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp với doanh nghiệp, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết người đại diện đó không có thẩm quyền xác lập giao dịch với mình.

Thứ tư, về trường hợp hợp đồng thương mại vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội. Để thống nhất cũng như thuận lợi trong áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu do trái đạo đức xã hội, tác giả cho rằng cần có quy định cụ thể, lựa chọn phát triển các bản án, quyết định thành án lệ.

Thứ năm, về trường hợp hợp đồng thương mại vô hiệu do nhầm lẫn. Tuy nhiên hiện nay, pháp luật dân sự và pháp luật thương mại đều chưa có quy định như thế nào là nhầm lẫn nên vẫn gây lúng túng, khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Do đó, cần có quy định cụ thể về nhầm lẫn và quy định trường hợp nhầm lẫn nào thì hợp đồng bị vô hiệu, vô hiệu một phần… Theo tác giả, cần có quy định cụ thể, lựa chọn phát triển các bản án, quyết định thành án lệ.

Thứ sáu, về trường hợp vô hiệu do vi phạm hình thức theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005, Điều 192 BLDS năm 2015. Chỉ khi nào luật có quy định "hợp đồng có hiệu lực khi được công chứng chứng thực" thì trong trường hợp này, nếu không công chứng chứng thực thì xem là vi phạm điều kiện hình thức. Các hợp đồng này phổ biến trong các giao dịch liên quan đến bất động sản như nhà ở, quyền sử dụng đất…

Chỉ cần có quy định "hợp đồng phải được xác lập bằng văn bản" hoặc "hợp đồng là văn bản phải có công chứng, chứng thực" nếu các bên không xác lập bằng văn bản hay không công chứng chứng thực thì được xem là vi phạm điều kiện hình thức của hợp đồng. Thiết nghĩ, việc quy định hình thức là điều kiện bắt buộc trong một số loại hợp đồng là không hợp lý. Bởi lẽ, hình thức hợp đồng thực chất chỉ là sự thể hiện ý chí của các bên tham gia hợp đồng theo các ký tự bằng mực đen, giấy trắng; trong khi đó, việc công chứng nhà nước chứng nhận hay chứng thực, đăng ký hoặc cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực chất là xác nhận sự kiện pháp lý giữa các bên. Khi có tranh chấp xảy ra, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có sự kiện này. Pháp luật quy định vi phạm hình thức dẫn tới hợp đồng vô hiệu thì sẽ tạo gò bó, thiếu tính tự do, linh hoạt trong giao kết hợp đồng thương mại, không phù hợp tình hình hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;

2. Luật Thương mại năm 2005;

3. Luật Doanh nghiệp năm 2020;

4. Lê Minh Hùng (2010), "*Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam*", Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh, tr.51.

5. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về Thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, 2019, tr. 99

6. Trần Văn Biên (2023), "Hợp đồng thương mại vô hiệu theo pháp luật Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 07, 3/2023

7. Chu Xuân Minh (2020), *Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Truy cập: https://tapchitoaan.vn/tuyen-bo-giao-dich-dan-su-vo-hieu-va-giai-quyet-hau-qua-giao-dich-dan-su-vo-hieu ngày 16/12/2023